

Bản án số: 329/2022/DS-PT

Ngày: 22 -12- 2022

V/v tranh chấp: “Tuyên bố văn
bản công chứng vô hiệu, đòi tài
sản và hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà Nguyễn Ái Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 354/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 496/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Kim Ph, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Số 223/13, đường Hoàng Văn Thụ, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Huỳnh Nh, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đăng H, huyện Ch, tỉnh T.

- Bị đơn: Trần Thị L, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Bình Phú Quới, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cao Trọng T, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đăng H, huyện Ch, tỉnh T.

- *Người kháng cáo: Nguyễn đơn Trần Thị Kim Ph.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Huỳnh Nh trình bày: Chị Ph và chị L là chị em ruột. Do chị Ph cần tiền sinh hoạt gia đình nên vào ngày 07/02/2020, chị Ph và chị L có lập Văn bản thỏa thuận có công chứng của Ủy ban nhân dân xã Đăng Hưng Phước, huyện C, tỉnh T với nội dung là chị L cho chị Ph mượn số tiền là 500.000.000 đồng, lãi suất theo lãi Ngân hàng, thời hạn mượn là đến tháng 04/2024 và chị L là người giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Ph. Đất thuộc thửa đất số 1431, tờ bản đồ số 01, diện tích là 3.000m², đất tọa lạc tại ấp Đăng Phong Trên, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00041 ngày 19/01/2005 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp cho bà Trần Thị Kim Ph. Ngoài ra, chị L yêu cầu chị Ph phải chuyển Nhọng phần đất trên cho chị L vào ngày 04/04/2024 để cản trừ số tiền mượn là 500.000.000 đồng.

Các bên thỏa thuận chị L phải đưa cho chị Ph số tiền là 500.000.000 đồng. Nhưng phía chị L chỉ đưa cho chị Ph số tiền là 400.000.000 đồng, số tiền 100.000.000 đồng còn lại phía chị L hứa vài ngày sẽ đưa. Nhưng đến nay chị L chưa đưa cho chị Ph nên chị L là người vi phạm thỏa thuận.

Do đó, chị Ph yêu cầu tòa án giải quyết:

1. Tuyên bố văn bản thỏa thuận ngày 07/02/2020 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Đăng Hưng Phước là vô hiệu ;
2. Buộc chị L phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Ph;
3. Chị Ph tự nguyện trả phần tiền là 400.000.000 đồng và lãi cho chị L theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định.

Bị đơn Trần Thị L trình bày: Thống nhất phần trình bày của chị Nh đại diện cho chị Phương về Văn bản thỏa thuận Nhưng không thống nhất số tiền đã nhận. Chị đã giao đủ tiền là 500.000.000 đồng cho chị Ph.

Chị Ph khởi kiện Chị, Chị đồng ý hủy Văn bản thỏa thuận vào ngày 07/02/2020 Nhưng phải trả đủ số tiền là 500.000.000 đồng, lãi suất theo quy định Ngân hàng là 12%/năm và Chị đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Ph với điều kiện một bên giao tiền và một bên giao giấy chứng

Tại Bản án dân sơ thẩm số: 354/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 127, 166 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim Ph.

- Buộc chị Ph phải trả cho chị Trần Thị L số tiền tổng cộng là 650.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Ph chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng chị Ph còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

- Ghi nhận sự tự thỏa thuận của chị Ph và chị L về việc hủy Văn bản thỏa thuận ngày 07/02/2020 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Đăng Hưng Phước.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1431, tờ bản đồ số 01, diện tích là 3.000m², đất tọa lạc tại ấp Đăng Phong Trên, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00041 ngày 19/01/2005 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp cho bà Trần Thị Kim Ph cho chị Ph, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 7/9/2022, nguyên đơn Trần Thị Kim Ph có đơn kháng với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Chị Trần Thị Kim Ph trả chị Trần Thị L số tiền 400.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi trên số tiền vốn 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử buộc chị Ph trả chị L số tiền 650.000.000 đồng là chưa đánh giá toàn diện các tình tiết khách quan của vụ án. Bởi lẽ, tại văn bản thỏa thuận ngày 07/02/2020 thể hiện số tiền vay là 500.000.000 đồng Nhưng không thể hiện quá trình giao nhận tiền vay Như thế nào. Chị L không có chứng cứ để chứng minh đã giao số tiền 500.000.000 đồng, chị Ph thừa nhận chỉ có nhận số tiền 400.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc chị Ph trả cho chị L số tiền vay 400.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Kim Ph, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và đòi tài sản” là chưa đầy đủ theo đơn khởi kiện của đương sự và quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm. Bởi lẽ, quá trình giải quyết vụ án thì các đương sự cùng trình bày thống nhất việc làm văn bản thỏa thuận nhằm đảm bảo cho việc thanh toán hợp đồng vay tài sản. Cho nên, cần bổ sung thêm quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản. Như vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, đòi tài sản và hợp đồng vay tài sản*”. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử buộc chị Ph trả cho chị L số tiền 650.000.000đồng thì chị Ph kháng cáo bản án sơ thẩm chỉ đồng ý trả số tiền vay 400.000.000đồng và tiền lãi phát sinh. Chị Ph có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Anh Cao Trọng T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm T hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo qui định tại khoản 2 Điều 296 của bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Trần Thị Kim Ph và bị đơn Trần Thị L là chị em ruột với nhau. Ngày 07/02/2020 cả hai đến Ủy ban nhân dân xã Đăng Hưng Phước huyện Chợ Gạo xin chứng thực văn bản thỏa thuận với nội dung: Chị Ph vay của chị L số tiền 500.000.000đồng, lãi suất thả nổi theo lãi suất ngân hàng. Năm 2024 khi hết hạn cho thuê đất (đất chị Ph đang cho anh T thuê) nếu chị Ph không trả tiền vay thì làm thủ tục sang tên đất cho chị L. Nay chị Ph khởi kiện cho rằng chị L chỉ giao 400.000.000đồng nên xin hủy văn bản thỏa thuận, đồng ý trả lại 400.000.000đồng và lãi phát sinh, buộc chị L phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn, chị L cũng đồng ý hủy văn bản thỏa thuận Nhưng chị Ph phải trả lại 500.000.000đồng cùng lãi phát sinh thì chị L sẽ giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát sinh tranh chấp. Sau khi tòa án sơ thẩm xét xử, ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về hủy văn bản thỏa thuận ngày 07/02/2020 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Đăng Hưng Phước, buộc chị Ph trả cho chị L số tiền 650.000.00đồng thì chị Ph kháng cáo chỉ đồng ý trả số tiền 400.000.000đồng tiền vay và lãi phát sinh.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Trần Thị Kim Ph. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, bản chất của việc tranh chấp giữa hai bên đương sự là sau khi chứng thực giấy thỏa thuận ngày 07/02/2020 của Ủy ban nhân dân xã Đăng Hưng Phước thì hai bên giao nhận số tiền 400.000.000đồng (Nh bên chị Ph thừa nhận) hay giao số tiền 500.000.000đồng (Nh lời trình bày của chị L).

[3.1] Xét thấy, tài liệu thu thập có trong hồ sơ cũng Nh lời trình bày của các đương sự thì việc 02 bên đến Ủy ban nhân dân xã chứng thực văn bản thỏa thuận vay tiền và có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có thật. Đây

là sự kiện không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hai bên tranh chấp duy nhất số tiền giao nhận có chênh lệch 100.000.000 đồng. Ngoài văn bản thỏa thuận ngày 07/02/2020 thì các bên không có chứng cứ nào khác để chứng minh. Bản chất của hợp đồng vay tài sản theo qui định tại Điều 463 của bộ luật dân sự “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Như vậy, bên cho vay là chị L phải có nghĩa vụ giao tài sản cho bên vay với số tiền 500.000.000 đồng, Nhưng chị Ph chỉ thừa nhận chỉ có nhận số tiền 400.000.000 đồng mà thôi, do chị L không giao đủ số tiền 500.000.000 đồng. Như thỏa thuận nên chị Ph khởi kiện xin tuyên bố văn bản thỏa thuận vô hiệu. Chị L không có chứng cứ để chứng minh là có giao đủ cho chị Ph số tiền 500.000.000 đồng. Trường hợp này nghĩa vụ chứng minh đã giao tiền và giao số tiền bao nhiêu là thuộc về nghĩa vụ chứng minh của chị L. Tòa án sơ thẩm xác định khi chị Ph giao giấy đất cho chị L thì chị Ph đã nhận đủ 500.000.000 đồng, nên buộc trả 500.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là chưa có cơ sở vững chắc, ngoài văn bản thỏa thuận thì không có chứng cứ nào khác để chứng minh việc giao nhận tiền. Theo biên bản phiên tòa sơ thẩm thể hiện thì các bên đi đến Ủy ban nhân dân xã để chứng thực văn bản thỏa thuận, sau đó về nhà chị L mới giao tiền. Văn bản chứng thực cũng không thể hiện việc giao nhận tiền. Như thế nào. Do đó, nghĩa vụ chứng minh chị Ph đã nhận 500.000.000 đồng là thuộc về chị L. Bởi lẽ, chị L là người giao tiền, chị Ph là người nhận tiền, cho nên chị L phải là người có nghĩa vụ chứng minh đã giao số tiền 500.000.000 đồng, Nhưng chị L không có chứng cứ nào khác, trong khi đó chị L thừa nhận 400.000.000 đồng. Do đó, chỉ xác định theo thừa nhận của chị Ph là 400.000.000 đồng cùng lãi phát sinh mà thôi.

Ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm, chị Ph có cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 file video clip dài 7 phút 04 giây đã được Tòa án phúc thẩm công bố tại phiên tòa. Chị L cũng thừa nhận người ngồi nói chuyện trong video clip là chị L và chị Ph. Xét nội dung file video clip này tại đoạn ghi hình (phút thứ 5 +56 giây) thì chị L có nói “*có tiền thiếu đi hai, đi hai mới cộng vào đó luôn là 500.000.000 đồng.*”. Tại phiên tòa phúc thẩm thì chị L cho rằng giao đủ cho chị Ph số tiền 500.000.000 đồng ngay vào ngày chứng thực văn bản thỏa thuận là không có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm thông qua hỏi tại phiên tòa để làm rõ số tiền chị Ph có thiếu trước khi làm giấy thỏa thuận. Nhưng chị Ph không thừa nhận, chị L cũng không có chứng cứ chứng minh. Cho nên chỉ có cơ sở xác định theo văn bản thỏa thuận ngày 07/02/2020 thì chị L chỉ có giao cho chị Ph số tiền 400.000.000 đồng là phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án.

[3.2] Về số tiền lãi phát sinh: Hai bên đương sự cùng thỏa thuận áp dụng lãi suất 12%/ năm (tức 1%/ tháng), việc thỏa thuận này là tự nguyện phù hợp với pháp luật, được ghi nhận làm căn cứ tính lãi phát sinh. Số tiền 400.000.000đồng từ ngày 07/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm chị L đồng ý tính tròn 30 tháng. Như vậy lãi suất sẽ là 400.000.000đồng x 1%/ tháng x 30 tháng = 120.000.000đồng.

[4] Từ những căn cứ phân tích Nh trên xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ được hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và sửa một phần bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 308, Điều 309 của bộ luật tố tụng dân sự theo hướng Buộc chị Ph trả chị L 400.000.000đồng (tiền vay) +120.000.000đồng (lãi phát sinh) = 520.000.000đồng.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do chấp nhận kháng cáo của chị Ph nên chị Ph không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị Ph phải chịu theo qui định của pháp luật; Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 127, 166, 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Kim Ph, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 354/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn Trần Thị Kim Ph và bị đơn Trần Thị L: về việc hủy Văn bản thỏa thuận ngày 07/02/2020 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Đăng Hưng Phước.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1431, tờ bản đồ số 01, diện tích là 3.000m², đất tọa lạc tại ấp Đăng Phong Trên, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00041 ngày 19/01/2005 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp cho bà Trần Thị Kim Ph cho chị Ph, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Buộc chị Trần Thị Kim Ph có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị L số tiền 520.000.000đồng (gồm 400.000.000đồng vốn vay và 120.000.000đồng lãi phát sinh), thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Ph chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng chị Ph còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

5. Về án phí:

- Chị Trần Thị Kim Ph không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và phải chịu 24.800.000đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025056 ngày 07/9/2022 và số tiền 600.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005741 ngày 16/05/2022, cả hai biên lai đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên phải nộp tiếp số tiền 23.900.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt